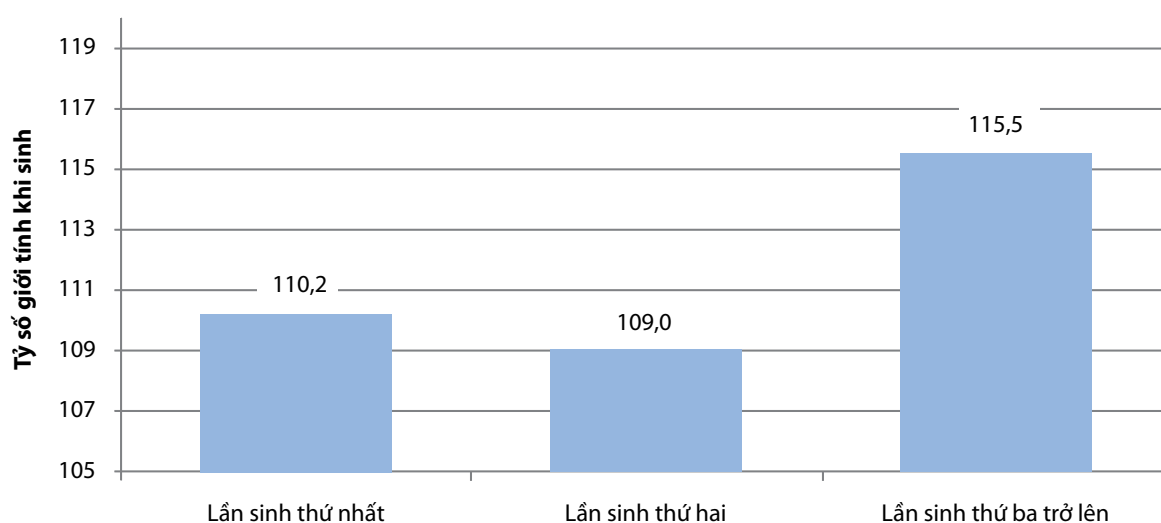


## 5. TỶ SỐ GIỚI TÍNH KHI SINH VÀ THỨ TỰ SINH

Lựa chọn giới tính ở châu Á phần lớn để đáp ứng nhu cầu có con trai. Do vậy những gia đình đã có từ một con trai trở lên ít quan tâm tới vấn đề này hơn so với những gia đình không có con trai. Kết quả là TSGTKS ở châu Á có xu hướng thay đổi theo thứ tự sinh (hay số lần mang thai). Ở phần lớn các quốc gia có hiện tượng mất cân bằng giới tính khi sinh, tỷ trọng trẻ em trai được sinh ra ở lần sinh thứ nhất là bình thường, và tăng lên nhanh chóng ở những lần sinh sau: các cặp vợ chồng có con gái có xu hướng sinh thêm con và tỷ trọng trẻ em trai được sinh ra cũng tăng lên ở những lần sinh này. TSGTKS tăng ở những lần sinh sau chịu tác động của mức sinh chung: khi quy mô gia đình giảm, xác suất không có con trai sẽ tăng lên. Ngược lại, trong bối cảnh người phụ nữ có thể có ba con hay nhiều hơn, nguy cơ không có con trai sẽ thấp hơn. Đặc biệt là khi các lựa chọn sinh sản không bị hạn chế bởi các yếu tố xã hội hay chính sách, phụ nữ chỉ có con gái sẽ dễ dàng có thêm con với hy vọng sẽ sinh được con trai. Đây là lý do tại sao TSGTKS gia tăng mạnh ở lần sinh thứ 2 ở các quốc gia như Trung Quốc, nước quy định chỉ một số ít phụ nữ có thể được sinh hơn một con, so với Ấn Độ, nơi có mức sinh chung cao hơn. Cho đến nay, chưa có các ước lượng đáng tin cậy về TSGTKS theo thứ tự sinh ở Việt Nam vì mẫu cho phân tích này quá nhỏ. Tuy nhiên, những phân tích sơ bộ cũng chỉ ra rằng sự biến thiên của TSGTKS theo thứ tự sinh ở Việt Nam không hoàn toàn giống như các xu hướng chung quan sát được ở các quốc gia khác (UNFPA, 2010). Số liệu TĐTDS 2009 một lần nữa khẳng định điều này, tuy nhiên vẫn có thể thấy được những khác biệt của TSGTKS theo cơ cấu giới tính của số con trong gia đình.

Hình 4 cho thấy TSGTKS được ước lượng dựa trên số sinh trong 12 tháng trước khi điều tra phân theo tổng số sinh do người mẹ báo cáo. Số phụ nữ có 3 con trở lên đã giảm mạnh trong thập kỷ qua và hiện chiếm khoảng 16% tổng số phụ nữ.

**Hình 4: TSGTKS theo thứ tự sinh**



Hình 4 cho thấy TSGTKS năm 2008 theo thứ tự sinh và khẳng định rằng, TSGTKS ở Việt Nam chỉ giống một phần với những xu hướng quan sát được ở các quốc gia khác. TSGTKS ở tất cả các lần sinh đều cao hơn hẳn mức sinh học bình thường. Điều này có nghĩa là một số cặp vợ chồng có thể đã thực hiện lựa chọn giới tính trước sinh ngay trong lần sinh thứ nhất. Hiện tượng này hiếm khi được ghi nhận ở các quốc gia khác. Đáng ngạc nhiên là TSGTKS lại thấp hơn ở lần sinh thứ 2. Tuy nhiên, đúng như dự đoán, TSGTKS là 115,5 cho các lần sinh từ thứ 3 trở lên, cao hơn hẳn các lần sinh trước đó. Điều này có vẻ như không quá bất ngờ trong bối cảnh mức sinh thấp ở Việt Nam: mong muốn có con trai sau khi đã sinh con gái thường là lý do chính để các cặp vợ chồng sinh thêm con. Với những cặp vợ chồng đã có 2 con, là số con trung bình hiện nay ở Việt Nam, thì có thêm con thứ 3 là quyết định của cả gia đình và lựa chọn giới tính trở thành một công cụ để tránh sinh ra trẻ em gái trong lần sinh này. Tuy nhiên, khi so sánh với các quốc gia châu Á khác có TSGTKS ở những lần sinh sau vượt mức 140<sup>6</sup>, thì mức gia tăng TSGTKS ở Việt Nam theo thứ tự sinh còn khá khiêm tốn. Điều này có thể là do một số cặp vợ chồng ở Việt Nam đã thực hiện lựa chọn giới tính trước sinh ở hai lần sinh đầu. Cũng có thể là phần lớn các cặp vợ chồng cảm thấy không cần thiết phải áp dụng các biện pháp chọn lọc giới tính.

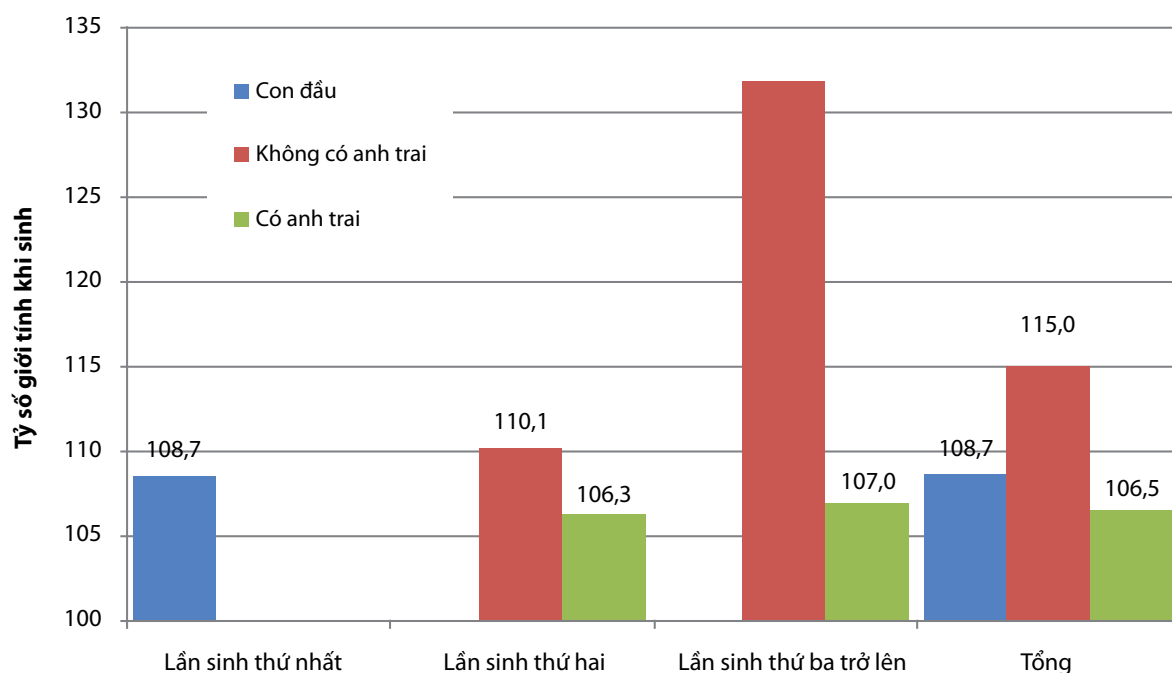
Ở cấp quốc gia, TSGTKS theo thứ tự sinh không có khác biệt đáng kể giữa khu vực nông thôn và thành thị. Phân tích theo vùng một lần nữa làm sáng tỏ những quan sát thú vị khi phân tách hai lần sinh đầu (số sinh ở lần thứ nhất và lần thứ hai) với những lần sinh sau (số sinh ở lần sinh thứ ba hoặc cao hơn). Sự khác biệt theo thứ tự sinh không đáng kể giữa các vùng, ngoại trừ vùng Đồng bằng sông Hồng, nơi có sự gia tăng đột biến TSGTKS từ mức 110 cho các lần sinh thứ nhất và thứ hai lên mức 152 cho lần sinh thứ ba và các lần sinh sau. TSGTKS rất cao này đồng nghĩa với sự dư thừa gần 50% số trẻ em trai so với điều kiện sinh bình thường. Mặc dù dựa trên một mẫu phụ với cỡ mẫu nhỏ với 7.500 ca sinh, TSGTKS cao ở các lần sinh sau của vùng Đồng bằng sông Hồng được khẳng định qua phân tích bổ sung với cỡ mẫu lớn hơn sử dụng số sinh của 3 năm trước thời điểm điều tra hoặc sử dụng số liệu dân số trẻ em. Trong nhiều khu vực nông thôn Việt Nam, mong muốn và nhu cầu sinh con trai rất mạnh mẽ vì các lý do kinh tế và thờ cúng trong các gia đình nông dân theo truyền thống phụ hệ<sup>7</sup>. Ngoài ra, việc triển khai các quy định về kế hoạch hoá gia đình có thể cũng đã khiến nhiều cặp vợ chồng tìm mọi cách để tránh sinh con gái.

Phương pháp thiết lập lại cơ cấu gia đình mô tả trong Phụ lục 6, dựa trên tập hợp dân cư được tái xây dựng trên quan hệ huyết thống, cho phép phân tích chi tiết tác động của cơ cấu giới tính của số con đã sinh đến giới tính của lần sinh cuối. Khác với những phân tích trước dựa trên số liệu sinh, những ước lượng này dựa trên số trẻ em sinh ra còn sống, vì vậy kết quả TSGTTE có thể thấp hơn. Kết quả tính toán cho thấy TSGTTE theo thứ tự sinh là 108,7 cho con đầu tiên, 108,1 cho con thứ hai, và 115,1 cho con thứ ba trở lên, thấp hơn một chút so với ước lượng rút ra từ số ca sinh (Hình 4).

<sup>6</sup> TSGTKS ở lần sinh thứ hai là 143 sinh trai cho mỗi 100 sinh gái ở Trung Quốc theo mẫu 1% TĐTDS 2005.

<sup>7</sup> Hệ thống gia đình phụ hệ ở Đồng bằng sông Hồng được mô tả bởi Werner (2009), Gammeltoft (1999) và Bélanger (2002).

**Hình 5: TSGTKS theo thứ tự sinh và số con trai đã có trong các lần sinh trước, cơ cấu giới tính của số con theo năm sinh**



Hình 5 cho thấy TSGTTE theo thứ tự sinh phân theo cơ cấu giới tính của các lần sinh trước cho hai nhóm trẻ em: chỉ có chị gái (“không có anh trai”) và nhóm có ít nhất một anh trai (“có anh trai”). Phân tích này không áp dụng cho lần sinh đầu. Có sự khác biệt rất rõ về TSGTTE giữa nhóm “có” và “không có” anh trai. Trong số trẻ em có anh trai, TSGTTE gần ở mức sinh học bình thường (106-107). Trong nhóm trẻ em không có anh trai, TSGTTE tăng lên mức 110 cho lần sinh thứ 2, và tới 132 cho lần sinh thứ 3 trở lên.

Các ước lượng này được dựa trên một mẫu nhỏ trẻ em dưới 1 tuổi<sup>8</sup>, nhưng việc tính toán được mở rộng cho toàn bộ dân số dưới 5 tuổi. Kết quả thu được khẳng định lại quan sát trước đây cho thấy, trong nhóm trẻ em dưới 5 tuổi “không có” anh trai, TSGTTE cho lần sinh thứ 2 là 108,9, nhưng tăng vọt lên 122,6 ở những lần sinh sau. Với một mẫu lớn hơn, có thể tính được TSGTTE cho lần sinh thứ 3 là 121,5 và những lần sinh sau là 126,3 cho những trẻ em “không có” anh trai. Ngược lại, nhóm trẻ em “có” anh trai có TSGTTE dao động trong khoảng 104-106.

Không tính những lần sinh đầu, diễn biến TSGT được mô tả trong báo cáo này cơ bản phù hợp với xu hướng hình thành gia đình theo hệ thống phụ hệ. Khi con đầu là con gái, áp lực sinh cho được con trai sẽ tăng dần. Việc lựa chọn giới tính trở nên cần thiết trong một số hộ gia đình ở các lần sinh sau và làm giảm tỷ lệ con gái trong các lần sinh này. Một cách ngẫu nhiên, mối liên kết giữa thứ tự sinh và TSGTKS đã khẳng định hành vi lựa chọn giới tính trước sinh, ngay khi còn chưa có các bằng chứng định lượng về việc phá thai chọn lọc giới tính. Về mặt lý thuyết có nhiều lý do giải thích cho tình trạng mất cân bằng giới tính khi sinh (ví dụ như các vấn đề về thu thập số liệu, báo cáo sai, các yếu tố sinh học...). Tuy nhiên, những lý do này không thể giải

<sup>8</sup> Ví dụ chỉ có khoảng 13.000 trẻ em thuộc nhóm con thứ ba và cao hơn không có anh trai.

thích cho sự khác biệt giữa các thứ tự sinh và sự gia tăng đột biến của TSGTTE liên quan đến tình trạng “không có” con trai trong các lần sinh trước.

Điều này cho thấy số liệu mẫu của TĐTDS đã đưa ra một bức tranh thực tế phức tạp hơn. TSGTKS cho những gia đình không có con trai rất cao, đặc biệt ở lần sinh thứ ba. Điều này có thể liên quan đến các quy định về kế hoạch hóa gia đình ở Việt Nam. Đồng thời, TSGTKS cho lần sinh đầu cũng cao hơn nhiều so với mức sinh học bình thường, cho thấy một tình trạng mất cân bằng giới tính khi sinh trầm trọng hơn so với Trung Quốc và Ấn Độ<sup>9</sup>. Đặc điểm này có thể gây ra những hậu quả nhất định vì số sinh lần thứ nhất chiếm tới 45% tổng số sinh trong mẫu nghiên cứu - tỷ lệ này sẽ tăng dần khi mức sinh giảm. Kết quả là, tác động của lựa chọn giới tính ở lần sinh thứ nhất tới TSGTKS nói chung lớn hơn ở các lần sinh sau. Phân tích sâu hơn TSGTKS ở lần sinh thứ nhất và các yếu tố liên quan không phát hiện được yếu tố nào giải thích cho sự khác biệt này do TSGTKS cao ở lần sinh thứ nhất phổ biến ở tất cả các nhóm dân cư có hành vi lựa chọn giới tính. Tuy nhiên, ngoài vùng Đồng bằng sông Hồng, Thành phố Hồ Chí Minh là khu vực duy nhất có đặc điểm này nổi bật, với mức TSGTKS cho lần sinh thứ nhất là 115. Số mẫu lớn (10.400) khẳng định ý nghĩa thống kê của hiện tượng này. Điều này cho thấy cần có thêm các nghiên cứu thực địa để tìm hiểu lý do giải thích tình trạng mất cân bằng giới tính đáng kể trong lần sinh thứ nhất ở các khu vực đô thị lớn của Việt Nam. Mức sinh thấp (1,45 con trung bình cho mỗi phụ nữ ở Thành phố Hồ Chí Minh) và khả năng tiếp cận dễ dàng với các cơ sở lựa chọn giới tính hiện đại là những yếu tố thuận lợi cho việc phát triển lựa chọn giới tính trước sinh. Tuy nhiên xem xét từ khía cạnh nhu cầu, có thể mức độ mất cân bằng giới tính và hệ thống gia đình phụ hệ trong khu vực đô thị ít nặng nề hơn so với khu vực nông thôn miền Bắc.

---

<sup>9</sup> TSGT của lần sinh thứ nhất là 108 ở Trung Quốc theo số liệu điều tra năm 2005